

BÁO CÁO THỰC HIỆN CÔNG TÁC BA CÔNG KHAI NĂM HỌC 2016 - 2017

Phần 1: CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ

1.1 Mô tả thực trạng

- Nhà trường cam kết đào tạo đảm bảo chất lượng theo đúng nội dung chuẩn đầu ra đã được công bố:

- Chuẩn đầu ra đã được công bố công khai trên Website của trường với 17 ngành đào tạo bậc Đại học chính quy tại địa chỉ: <http://ictu.edu.vn/ba-cong-khai/dieu-kien-dam-bao-clgd/chuan-dau-ra.html>.
- Các ngành đào tạo đã điều chỉnh việc tổ chức đào tạo để đảm bảo sinh viên đạt chuẩn đầu ra như công bố.

- Tính đến tháng 10/2016, tổng số HSSV của trường là 5332 sinh viên, trong đó số lượng nghiên cứu sinh là 6 chiếm 0,11%, số lượng học viên cao học là 101 chiếm tỷ lệ 1,89%, số lượng sinh viên ĐHCQ là 4558 chiếm tỷ lệ 85,48% còn lại 12,51% là sinh viên hệ Đại học liên thông.

- Nhà trường có đầy đủ các văn bản liên quan tới công tác cấp phát văn bằng, chứng chỉ của HSSV (Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp; Quyết định công nhận tốt nghiệp của HSSV khi tốt nghiệp từng năm học; Danh sách theo dõi cấp bằng).

- Tỷ lệ sinh viên ĐHCQ ra trường sau 1 năm có việc làm đạt trên 80%, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận sinh viên ra trường chưa tìm được việc làm hoặc tiếp tục đi học nâng cao kiến thức chuyên môn trước khi làm việc. Đối với hệ DHLT hầu hết sinh viên ra trường đều có việc làm, do đa số sinh viên các hệ này đã có việc làm trước khi nhập học.

1.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh

- Cập nhật văn bản pháp quy liên quan đến công tác HSSV theo thông tin số 16 năm 2016 .

- Trường đã định kỳ tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp giữa Ban lãnh đạo nhà trường với sinh viên để kịp thời nắm bắt và giải quyết các khó khăn, thắc mắc của sinh viên.

- Cuối năm học 2015-2016 nhà trường tiến hành gửi kết quả học tập và rèn luyện về cho gia đình sinh viên.

- Triển khai hệ thống tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho HSSV và nhận được hưởng ứng tích cực của sinh viên và các đơn vị liên quan.

- Tổ chức hội nghị giáo viên chủ nhiệm 4/2016 tại hội trường tầng 5 với sự tham gia của 50 GVCN kiêm cố vấn học vấn học tập.

- Phối hợp tổ chức hội thảo kỹ năng phỏng vấn tìm việc năm 2016 với diễn giả TS. Thế Hùng tại thư viện Đa chức năng với 280 sinh viên tham gia.

- Tổ chức chương trình hướng nghiệp và đào tạo giữ trường Đại học CNTT&TT với công ty FPT Software do ông Nguyễn Minh Tiên – Giám đốc chương trình Campuslink và hơn 300 sinh viên tham dự.

- Phối hợp Tổ chức ngày hội việc làm ICTU ngày 8/6/2016 thu hút được 21 cơ quan doanh nghiệp tham gia, thu hút được hơn 600 sinh viên năm thứ 4 và năm cuối. Gần 300 sinh viên quan tâm

+ *Điểm tồn tại*

- Trình độ đầu vào của sinh viên thấp, nhiều sinh viên là đối tượng vùng sâu, vùng xa.

- Một bộ phận nhỏ sinh viên chưa có nhận thức đúng đắn trong học tập, rèn luyện và định hướng nghề nghiệp.

- Việc khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp ra trường chưa được thực hiện trên quy mô rộng.

1.3 Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Khảo sát mức độ nắm bắt của người học về CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai hệ thống quản lý các hoạt động ngoại khóa tới toàn thể sinh viên trong trường. Nhà trường tổ chức lấy phiếu khảo sát sinh viên online.

- Tổ chức các diễn đàn trao đổi phương pháp, kinh nghiệm học tập cho sinh viên. Thông qua giáo viên chủ nhiệm và Kênh thông tin liên lạc giữa nhà trường với sinh viên và gia đình sinh viên để phối hợp với gia đình sinh viên thúc đẩy, động viên sinh viên tham gia học tập, bổ sung kiến thức.

- Từ năm học 2016-2017 và những năm tiếp theo, phối hợp, kết nối cùng các doanh nghiệp ngoài trường để xây dựng các chương trình khởi nghiệp, ý tưởng sản xuất, kinh doanh, giúp người mới tốt nghiệp tiếp cận, thụ hưởng nguồn vốn cho vay ưu đãi để tự tạo việc làm.

Phần 2: CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

2.1. Về cơ sở vật chất

2.1.1. Mô tả thực trạng

Hiện nay, tổng diện tích khuôn viên toàn trường là: 8,6ha, trong đó có 33.595m² xây dựng với các cơ sở hạ tầng như phòng làm việc, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm, đường bê tông, hàng rào, sân chơi thể thao,... Khuôn viên nhà trường được tôn tạo cảnh quan đảm bảo cảnh quan sư phạm, vệ sinh xanh sạch đẹp phù hợp với môi trường giáo dục hiện đại.

- Trường đang quản lý sử dụng 01 nhà làm việc 5 tầng phục vụ cho công tác quản lý và điều hành các hoạt động đào tạo;

- Trường hiện có tổng số 33 phòng học lý thuyết tại các giảng đường C2, C3 và C5 với tổng diện tích 9.174m². 100% số phòng học được trang bị máy chiếu và 15 phòng học tại giảng đường C5 được trang bị hệ thống Camera giám sát.

- Có 03 Hội trường với tổng diện tích là 1.600m² (hội trường C1.501, hội trường A và hội trường thư viện đa chức năng).

- Khu ký túc xá đảm bảo đủ chỗ ở cho 1.400 HSSV với diện tích sàn xây dựng hơn 13.709m².

- Có sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân bóng rổ, sân bóng chuyền, sân cầu lông đạt tiêu chuẩn thu hút đông đảo sinh viên luyện tập, thi đấu.

- Về trang thiết bị phục vụ thực hành, thực tập: có 21 phòng thực hành, thí nghiệm với tổng diện tích 2.100m², cụ thể như sau:

- 08 phòng thực hành tin học
- 01 phòng thí nghiệm phần cứng
- 01 phòng thí nghiệm công nghệ điều khiển, tự động hóa
- 04 phòng thí nghiệm điện tử viễn thông chuyên ngành
- 01 phòng học ngoại ngữ
- 01 phòng công nghệ điện tử ô tô
- 01 phòng thí nghiệm y sinh
- 01 phòng thí nghiệm công nghệ điện tử truyền thông
- 01 phòng Lab Samsung
- 01 phòng vẽ mỹ thuật
- 01 phòng thực tại ảo

- Hệ thống mạng intranet và mạng Internet phục vụ 24/24 giờ, được lắp đặt tại tất cả các giảng đường, phòng làm việc phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CBGV và HSSV. Ký túc xá đã được phủ sóng Wifi.

2.1.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh

- Việc đầu tư xây dựng các phòng thực hành, thí nghiệm và các cơ sở rèn nghề luôn được Nhà trường chú trọng phát triển hàng năm theo đúng kế hoạch chiến lược của nhà trường.

- Quý II, Quý III năm 2016. Nhà trường đã đầu tư bổ sung mới 50 bộ máy tính và tiếp nhận điều chuyển 115 bộ máy tính từ Trung tâm học liệu – Đại học Thái Nguyên, đã đưa vào sử dụng phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước tại khu Nhà thực hành thí nghiệm Đại học Khoa học.

- Làm mới 01 sân cầu đa năng phục vụ rèn luyện sức khỏe cho CBGV và HSSV.

- Nhà trường đã tăng cường thu hút đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý từ việc xã hội hóa giáo dục.

- Trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược cũng như Quy hoạch tổng thể đã được các đơn vị chức năng phê duyệt làm cơ sở để hoạch định kế hoạch hàng năm.

- Hàng năm nhà trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phát triển cơ sở vật chất cho phù hợp với nguồn kinh phí đầu tư của Nhà nước và điều kiện tài chính của trường.

- Trên cơ sở các quy định, quy chế và các văn bản pháp quy của cấp trên, Trường đã xây dựng, ban hành thực hiện các nội quy, quy định về sử dụng cơ sở vật chất áp dụng trong nội bộ đạt hiệu quả tốt.

- Sinh viên được khai thác internet miễn phí tại Trường để tra cứu tài liệu và học tập.

- Trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược cũng như Quy hoạch tổng thể và đã được các đơn vị chức năng phê duyệt làm cơ sở để hoạch định kế hoạch hàng năm.

- Đầu năm Nhà trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phát triển cơ sở vật chất cho phù hợp với kế hoạch đầu tư của Nhà nước và điều kiện tài chính của trường bằng các kế hoạch hàng năm.

+ Điểm tồn tại

- Một số quy định về quản lý cơ sở vật chất cần bổ sung hoàn thiện thêm.

- Nguồn vốn NSNN về đầu tư về CSVC chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển về quy mô đào tạo của Nhà trường.

2.1.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Khởi công xây dựng mới nhà làm việc thư viện 7 tầng.

- Sử dụng các nguồn vốn ngân sách cấp, nguồn kinh phí hợp pháp của trường và nguồn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước đầu tư nâng cấp CSVC phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Hoàn thiện một số qui trình quản lý, khai thác sử dụng cơ sở vật chất.

2.2 Về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

2.2.1 Mô tả thực trạng

- Tính đến 01/12/2016, tổng số cán bộ viên chức của trường là 493 người, trong đó số cán bộ giảng viên cơ hữu, hợp đồng dài hạn và thỉnh giảng là 350 người. Số cán bộ giảng viên có trình độ GS, PGS là 17, tiến sĩ là 33, thạc sĩ là 237, đại học là 63. Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên của nhà trường là 165 người, được phân công bố trí phù hợp ở từng lĩnh vực công tác bảo đảm cho các hoạt động quản lý hành chính, phục vụ trong toàn trường.

- Cùng với đội ngũ giảng viên cơ hữu tại chỗ, nhà trường còn thực hiện mô hình phối hợp về quản lý và đào tạo với 02 Viện đầu ngành trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, Công nghệ Điện tử và Truyền thông, Công nghệ Tự động hóa (*Viện Công nghệ thông tin thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Viện nghiên cứu Điện tử, tin học và Tự động hóa thuộc Bộ Công thương*).

- Nhà trường đã quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2016 - 2021 theo đúng quy trình quy định. Hiện tại, nhà trường đã rà soát bổ sung cán bộ quản lý lãnh đạo các đơn vị và đang thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBQL nhiệm kỳ 2016-2021. Đội ngũ cán bộ quản lý các cấp được bổ nhiệm theo quy trình quy định, công khai, minh bạch. Tính đến tháng 12 năm 2016, số lượng cán bộ quản lý của nhà trường là 64 người từ cấp trưởng, phó các đơn vị. Đến nay, số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

2.2.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh

- Nhà trường đã có các kế hoạch, giải pháp và chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên phù hợp với điều kiện thực tế nên đội ngũ giảng viên được tăng cường cả lượng và chất. Hiện tại, nhà trường có 50 người đang làm NCS, 70 người đang học thạc sĩ, trong đó có 25 người đang được đào tạo ở nước ngoài (19 người đang học NCS, 6 người đang học thạc sĩ); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đã đáp ứng được yêu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên, cán bộ giảng viên.

- Trường đã thực hiện thành công mô hình phối hợp giữa “Trường đại học và Viện nghiên cứu”. Thông qua mối quan hệ phối hợp này đã giúp cho nhà trường trong công tác đào tạo bậc đại học, sau đại học; đồng thời giúp cho công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên của nhà trường.

- Hiện nay, đội ngũ giảng viên của nhà trường về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về quy mô và bảo đảm chất lượng đào tạo; tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi là 15,3.

+ *Điểm tồn tại*

Đội ngũ cán bộ giảng viên có học hàm, học vị GS, PGS, TS của nhà trường còn chiếm tỉ lệ thấp (15,24%).

2.2.3 Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Rà soát, điều chỉnh kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên năm học 2016 - 2017; trong đó trọng tâm là kế hoạch đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ (mỗi năm cử ít nhất 5 - 7 giảng viên làm nghiên cứu sinh, 05 giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ).

- Động viên, khuyến khích giảng viên tích cực tham gia Đề án 911 của Chính phủ hoặc tự tìm kiếm chương trình học bổng của nước ngoài để đi du học.

- Thực hiện các chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho cán bộ được cử đi học ngoại ngữ ở nước ngoài, học thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước.

- Dự kiến đến hết năm 2017, CBGV có trình độ thạc sĩ trở lên là trên 80%, trong đó giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm từ 16%.

- Tích cực đẩy mạnh việc hợp tác với các trường đại học tiên tiến trên thế giới để tiếp cận với trình độ công nghệ, kỹ thuật hiện đại.

Phần 3: TÀI CHÍNH

3.1 Mô tả thực trạng

Các nguồn thu chủ yếu của Trường: Kinh phí từ ngân sách cấp; Học phí và kinh phí thu từ các hoạt động khác như ký túc xá,; thu từ các trung tâm và thanh lý tài sản...

Sử dụng nguồn kinh phí: Trường đã thực hiện kinh phí chi cải cách tiền lương theo Nghị định số 22/2011/NĐ-CP ngày 25/3/2012 của Chính phủ, lương và thu nhập tăng thêm cho CBVC của trường theo Nghị quyết Đảng uỷ và Quy chế chi tiêu nội bộ; Triển khai Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Ban chấp hành Trung ương Đảng; Thực hiện quy chế công khai theo quy định tại Thông tư 09/2009/TT-BGD; Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ này là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp. Coi trọng công tác xây dựng dự toán và lập kế hoạch theo từng nội dung, từng niêm độ thời gian.

3.2 Mô tả những điểm mạnh, những tồn tại

+ Những điểm mạnh:

Trường tập trung bồi dưỡng chuyên môn và tiếng Anh đủ khả năng tiếp cận chương trình đào tạo tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ giảng viên; Thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về

cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thực hiện chủ trương của Nhà nước thúc đẩy xã hội hóa trong giáo dục và đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, tạo nguồn thu cho các cơ sở giáo dục và đào tạo; Trường CNTT&TT đã chỉ đạo mở rộng, phát triển các loại hình đào tạo để tạo nguồn thu như thành lập các trung tâm hạch toán độc lập, hoạt động tài chính lấy thu bù chi.

+ *Những điểm còn tồn tại:*

Công tác tuyển sinh hệ chính quy còn đạt tỷ lệ thấp so với chỉ tiêu, nhà trường chưa đưa ra được giải pháp hiệu quả.

3.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2016, lập kế hoạch và xây dựng dự toán NSNN thực hiện nghị quyết 32/2012/NQ-QH về “quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo theo đúng dự toán đã được phê duyệt; chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là các khoản chi tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, mua xe công, chi phí công tác phí trong và ngoài nước; ưu tiên các nhiệm vụ chính trị quan trọng . . .”.

Xây dựng kế hoạch cân đối thu chi theo hướng ưu tiên chi cho con người, chi chuyên môn nghiệp vụ, vốn đối ứng cho chương trình dự án, mua sắm các trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu.

Tích cực, chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan để hoàn thiện các dự án đã đề xuất; tổ chức triển khai thực hiện tốt các dự án, các chương trình đã được phê duyệt.

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị chức năng triển khai Dự án xây dựng Nhà khảo thí và thực hành thí nghiệm; Dự án nâng cao năng lực đào tạo của nhà trường giai đoạn 2016-2017; giai đoạn 2016- 2020.

Dự kiến đầu tư cơ sở vật chất năm 2016: 9,5 tỷ đồng.

Tổ chức kiểm kê tài sản, lập báo cáo thanh quyết toán khi kết thúc năm tài chính 2016 theo luật định.

Chỉ đạo công tác lập dự toán thu chi tài chính 2016; đảm bảo thu, chi thường xuyên, đảm bảo duy trì chi tăng thêm thu nhập vào lương hàng tháng cho CBVC nhưng thay đổi phương cách tính sao cho phát huy được hiệu quả nhất trên mọi phương diện. Rà soát, chỉnh sửa, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016.

Ngoài những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường, công tác xây dựng cơ sở vật chất đã triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm như dự kiến năm 2016: Tập trung đầu tư xây dựng các hạng mục công trình đưa vào sử dụng: Nhà khảo thí; hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cây xanh quanh

trường ... bằng các nguồn vốn Ngân sách cấp, nguồn kinh phí hợp pháp của trường và nguồn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước.

Tăng cường kết hợp với các doanh nghiệp để sinh viên thực tập và đầu tư các trang thiết bị phục vụ thực hành, thực tập theo hướng hiện đại và đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu thực hành, thực tập, rèn luyện tay nghề và nâng cao kỹ năng thực hành cho HSSV.

Xây dựng các phần mềm quản lý, lắp đặt hệ thống thiết bị đồng bộ và hiện đại phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ.

Chủ động tìm nguồn hỗ trợ đầu tư các trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại, đặc biệt về hạ tầng mạng và truyền thông, Multimedia và các phòng thí nghiệm thực hành công nghệ cao phục vụ đào tạo, NCKH và quản lý điều hành.

Phần 4: BÁO CÁO TỔNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẬC ĐẠI HỌC

4.1. Chương trình đào tạo thuộc ngành Công nghệ thông tin

4.1.1. Thực trạng

Chương trình đào tạo nhóm ngành Công nghệ thông tin được áp dụng bắt đầu từ năm 2002. Ban đầu chương trình đào tạo chỉ có một chuyên ngành đào tạo là Công nghệ thông tin. Năm 2006, chương trình đào tạo này được tách thành 5 chuyên ngành là Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Truyền thông và mạng máy tính, Khoa học máy tính và Kỹ thuật máy tính. Đến năm 2011, nhà trường đã ban hành 5 chương trình đào tạo cho 5 ngành thuộc nhóm ngành này là Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Truyền thông và mạng máy tính, Hệ thống thông tin. Hiện tại có 5 khoá sinh viên đang được đào tạo thuộc nhóm ngành Công nghệ thông tin theo hình thức đào tạo tín chỉ.

4.1.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất phòng học; phòng máy tính thư viện sách đáp ứng việc học tập của sinh viên.

- Nhà trường được sự giúp đỡ của Viện Công nghệ thông tin trong việc xây dựng chương trình đào tạo và tham gia đào tạo cán bộ giảng viên cũng như sinh viên.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp công tác trong các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp về công nghệ thông tin và truyền thông đã và đang khẳng định được trình độ kiến thức và năng lực chuyên môn trong công việc.

- Đội ngũ giảng viên bao gồm các giảng viên có trình độ cao và kinh nghiệm giảng dạy lâu năm kết hợp với các giảng viên trẻ, nhiệt tình giảng dạy, tích cực tham gia vào việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo của nhà trường. Đa số các

giảng viên trẻ đã và đang học tập nâng cao trình độ tại các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế.

- Chương trình đào tạo luôn được cập nhật điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của xã hội.

- Trong những năm vừa qua nhà trường đã đưa sinh viên thực tập tại các công ty và doanh nghiệp để sinh viên có điều kiện tiếp cận các vấn đề thực tiễn trước khi ra trường.

+ *Điểm tồn tại:*

- Đầu vào của sinh viên còn thấp; còn một bộ phận nhỏ sinh viên có ý thức tự học, tự nghiên cứu không cao dẫn đến kết quả học tập không được cao.

- Chưa thực hiện được việc cập nhật chương trình đào tạo một cách đồng bộ theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực Công nghệ thông tin của xã hội.

4.1.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Tiếp tục cử giảng viên đi học tập nâng cao trình độ tại Viện công nghệ thông tin, các trường đại học lớn trong nước và đi du học quốc tế.

- Tăng cường khảo sát nhu cầu xã hội và các ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo của các ngành đang đào tạo, qua đó điều chỉnh chương trình cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ngân hàng đề thi của các học phần cho phù hợp với nhận thức của sinh viên. Bổ sung các tài liệu tham khảo phục vụ việc học tập và nghiên cứu của sinh viên.

- Tăng cường quan hệ và gắn kết hơn nữa với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất các viện nghiên cứu, gắn đào tạo với thực tiễn.

4.2. Chương trình đào tạo thuộc ngành Khoa học máy tính

4.2.1. Thực trạng

- Năm 2006, chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin được tách thành 5 chuyên ngành là Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Truyền thông và mạng máy tính, Khoa học máy tính và Kỹ thuật máy tính. Đến năm 2011, nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo ngành Khoa học máy tính.

- Hiện tại ngành KHMT có 4 khoá sinh viên đang được đào tạo sinh viên theo hình thức đào tạo tín chỉ.

4.2.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ *Điểm mạnh:*

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất phòng học; phòng máy tính thư viện sách đáp ứng việc học tập của sinh viên.

- Nhà trường được sự giúp đỡ của Viện Công nghệ thông tin trong việc xây dựng chương trình đào tạo và tham gia đào tạo cán bộ giảng viên cũng như sinh viên.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp công tác trong các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp về công nghệ thông tin và truyền thông đã và đang khẳng định được trình độ kiến thức và năng lực chuyên môn trong công việc.

- Đội ngũ giảng viên bao gồm các giảng viên có trình độ cao và kinh nghiệm giảng dạy lâu năm kết hợp với các giảng viên trẻ, nhiệt tình giảng dạy, tích cực tham gia vào việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo của nhà trường. Đa số các giảng viên trẻ đang học tập nâng cao trình độ tại các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế.

- Chương trình được thiết kế theo hướng ứng dụng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đáp ứng được nhiều loại hình đào tạo.

- Trong những năm vừa qua nhà trường đã đưa sinh viên thực tập tại các công ty và doanh nghiệp để sinh viên có điều kiện tiếp cận các vấn đề thực tiễn trước khi ra trường.

- Giảng viên trẻ thuộc bộ môn KHMT luôn có các đề tài, dự án mang tính ứng dụng thực tiễn để triển khai tới sinh viên ngành KHMT nói riêng và sinh viên nhóm ngành CNTT.

- Nhà trường tạo điều kiện cho sinh viên làm quen với môi trường làm việc tại các công ty về lĩnh vực CNTT: trong thời gian thực tập tốt nghiệp, sinh viên được gửi tới các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực CNTT để học hỏi kiến thức và kinh nghiệm làm việc.

- Lãnh đạo bộ môn cũng như các giảng viên thuộc bộ môn luôn quan tâm đến sinh viên của ngành KHMT và sinh viên các lớp mà mình chủ nhiệm.

+ Điểm tồn tại:

- Đầu vào của sinh viên còn thấp;
- Một bộ phận nhỏ sinh viên có ý thức tự học, tự nghiên cứu không cao dẫn đến kết quả học tập không được cao.

- Chưa thực hiện được việc cập nhật chương trình đào tạo một cách đồng bộ theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực Công nghệ thông tin của xã hội.

- Chưa có nhiều các buổi sinh hoạt ngoại khóa để sinh viên tiếp cận với thực tế (nâng cao kiến thức, kỹ năng mà các công ty, các cơ quan về CNTT yêu cầu)

4.2.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Tiếp tục cử giảng viên đi học tập nâng cao trình độ tại các Viện nghiên cứu, các trường đại học lớn trong nước và quốc tế.

- Tăng cường khảo sát nhu cầu xã hội và các ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo của các ngành đang đào tạo, qua đó điều chỉnh chương trình cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ngân hàng đề thi của các học phần cho phù hợp với nhận thức của sinh viên. Bổ sung các tài liệu tham khảo phục vụ việc học tập và nghiên cứu của sinh viên.

- Tăng cường quan hệ và gắn kết hơn nữa với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất các viện nghiên cứu, gắn đào tạo với thực tiễn.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng chuyên môn gắn với thực tiễn để xây dựng hình ảnh của ngành và quảng bá nhằm thu hút nhiều sinh viên theo học.

4.3. Chương trình đào tạo thuộc ngành Hệ thống thông tin

4.3.1. Thực trạng

- Chương trình đào tạo nhóm ngành Công nghệ thông tin được áp dụng bắt đầu từ năm 2002. Ban đầu chương trình đào tạo chỉ có một chuyên ngành đào tạo là Công nghệ thông tin, chuyên ngành Hệ thống thông tin. Năm 2006, chương trình đào tạo này được tách thành 5 chuyên ngành là: Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Truyền thông và mạng máy tính, Khoa học máy tính và Kỹ thuật máy tính. Đến năm 2011, nhà trường đã ban hành 5 chương trình đào tạo cho 5 ngành thuộc nhóm ngành này là Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Truyền thông và mạng máy tính, Hệ thống thông tin.

4.3.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất phòng học; phòng máy tính thư viện sách đáp ứng việc học tập của sinh viên.

- Nhà trường được sự giúp đỡ của Viện Công nghệ thông tin trong việc xây dựng chương trình đào tạo và tham gia đào tạo cán bộ giảng viên cũng như sinh viên. Đồng thời có sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia của Đại học FCU – Đài Loan trong việc cập nhật bổ sung chương trình đào tạo.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp công tác trong các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp về công nghệ thông tin và truyền thông đã và đang khẳng định được trình độ kiến thức và năng lực chuyên môn trong công việc.

- Đội ngũ giảng viên bao gồm các giảng viên có trình độ cao và kinh nghiệm giảng dạy lâu năm kết hợp với các giảng viên trẻ, nhiệt tình giảng dạy, tích cực tham gia vào việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo của nhà trường. Đa số các giảng viên trẻ đã và đang học tập nâng cao trình độ tại các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế.

- Chương trình được thiết kế theo hướng ứng dụng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đáp ứng được nhiều loại hình đào tạo.

- Trong những năm vừa qua nhà trường đã đưa sinh viên thực tập tại các công ty và doanh nghiệp để sinh viên có điều kiện tiếp cận các vấn đề thực tiễn trước khi ra trường.

+ *Điểm tồn tại:*

- Đầu vào của sinh viên còn thấp; còn một bộ phận nhỏ sinh viên có ý thức tự học, tự nghiên cứu không cao dẫn đến kết quả học tập không được cao.

- Chưa thực hiện được việc cập nhật chương trình đào tạo một cách đồng bộ theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực Công nghệ thông tin của xã hội.

4.3.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Tiếp tục cử giảng viên đi học tập nâng cao trình độ tại Viện công nghệ thông tin, các trường đại học lớn trong nước và đi du học quốc tế.

- Tăng cường khảo sát nhu cầu xã hội và các ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo của các ngành đang đào tạo, qua đó điều chỉnh chương trình cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ngân hàng đề thi của các học phần cho phù hợp với nhận thức của sinh viên. Bổ sung các tài liệu tham khảo phục vụ việc học tập và nghiên cứu của sinh viên.

- Tăng cường quan hệ và gắn kết hơn nữa với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất các viện nghiên cứu, gắn đào tạo với thực tiễn.

- Tăng cường nghiên cứu theo hướng chuyên môn gắn với thực tiễn để xây dựng hình ảnh tốt quảng bá thu hút sinh viên theo học nhiều hơn.

4.4. Chương trình đào tạo thuộc ngành Truyền thông và mạng máy tính

4.4.1. Thực trạng

Ngành Truyền thông & mạng máy tính do bộ môn Mạng & truyền thông chịu trách nhiệm quản lý. Hiện nay ngành Truyền thông & mạng máy tính đang được đào tạo cho hệ đại học chính quy với 4 chương trình đào tạo: chương trình áp dụng cho khóa 10-11, khóa 12, khóa 13, và chương trình mới xây dựng áp dụng từ khóa 14.

4.4.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ *Điểm mạnh:*

Đội ngũ giảng viên trẻ, tâm huyết, được đào tạo bài bản và có kiến thức chuyên môn tốt.

+ *Điểm tồn tại:*

- Việc rà soát chương trình đào tạo theo hướng đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội còn gặp nhiều khó khăn, triển khai chưa đồng bộ.

- Đội ngũ giảng viên đang đào tạo tại nước ngoài nhiều nên khó khăn trong việc phân khối lượng giảng dạy.

- Hiện nay phần lớn các môn học chuyên ngành mạng đòi hỏi thiết bị thực có tính năng kỹ thuật mạnh để sinh viên thực hành, đòi hỏi cập nhật liên tục, sinh viên phải sử dụng các phần mềm mô phỏng.

- Chất lượng đầu vào của sinh viên giảm sút và không đồng đều giữa các khóa. Theo quan sát, hiện nay chất lượng đầu vào của sinh viên giảm sút khá nhiều so với các khóa trước đây. Việc này gây nhiều khó khăn cho việc đào tạo.

4.4.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Xây dựng lại một chương trình đào tạo bám sát nhu cầu thực tế hơn; phù hợp với đối tượng sinh viên (giảm bớt lý thuyết hàn lâm, giảm bớt các môn học quá khó, tăng các môn học mang tính cung cấp kỹ năng); định hướng chuyên môn rõ ràng.

- Nâng cao kỹ năng làm việc thực tế của giảng viên. Một số giảng viên đã được yêu cầu phải tiếp cận các công ty để học hỏi kiến thức làm việc thực tế phục vụ cho việc giảng dạy các môn được phân công.

- Đào tạo giảng viên chất lượng cao. Bộ môn tạo điều kiện để giảng viên có thể học tập ở các bậc học cao, đặc biệt là nghiên cứu sinh. Theo kế hoạch, sau năm 2018, bộ môn sẽ có thêm 5 tiến sĩ tốt nghiệp ở nước ngoài trở về công tác.

- Hoàn thiện hệ thống bài giảng, giáo trình. Khi ổn định lại chương trình đào tạo, hệ thống bài giảng/ giáo trình sẽ được đầu tư để đạt chất lượng cao hơn.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý và phân công công việc tại bộ môn. Đây là một yêu cầu cấp bách để giải phóng giáo viên khỏi các công việc mang tính hành chính và để giáo viên chỉ tập trung vào phát triển chuyên môn.

- Xây dựng các nhóm chuyên môn với sự tham gia của giáo viên các bộ môn khác và sinh viên. Đây là kế hoạch chung của khoa Công nghệ Thông tin và đã bắt đầu được thực hiện từ năm học 2015-2016.

4.5. Chương trình đào tạo thuộc ngành Kỹ thuật phần mềm

4.5.1. Thực trạng

Ngành Kỹ thuật phần mềm do bộ môn Công nghệ phần mềm - Khoa Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm quản lý. Hiện tại đang có cả 5 khóa sinh viên ngành Kỹ thuật phần mềm.

4.5.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

- Chương trình ngành Kỹ thuật phần mềm được thiết kế và cập nhật thường xuyên theo hướng ứng dụng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đáp ứng được nhiều loại hình đào tạo. Sinh viên được trang bị các kiến thức và kỹ năng làm việc thực tế trong lĩnh vực Kỹ thuật phần mềm như: lập trình C#, Visual Basic.NET, Java; Lập trình các ứng dụng trên nền mobile iOS, Android, Windows Phone; Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm; Hệ thống nhúng; Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng, các

hệ quản trị cơ sở dữ liệu liên quan đến lập trình website, lập trình ứng dụng trên nền công nghệ DOT NET; Quản trị các dự án phần mềm ...

- Nhà trường được sự giúp đỡ của Viện Công nghệ thông tin trong việc xây dựng chương trình đào tạo và tham gia đào tạo cán bộ giảng viên cũng như sinh viên.

- Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm bao gồm các giảng viên có trình độ cao và kinh nghiệm giảng dạy lâu năm kết hợp với các giảng viên trẻ, nhiệt tình giảng dạy, tích cực tham gia vào việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo của nhà trường. Đa số các giảng viên trẻ đang học tập nâng cao trình độ tại các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế.

- Nhà trường tạo điều kiện cho sinh viên làm quen với môi trường làm việc tại các công ty về lĩnh vực CNTT: trong thời gian thực tập tốt nghiệp, sinh viên được gửi tới các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực CNTT để học hỏi kiến thức và kinh nghiệm làm việc.

- Sinh viên ngành Kỹ thuật phần mềm sau khi ra trường dễ dàng kiếm được công việc đúng chuyên môn được đào tạo và đáp ứng nhu cầu xã hội

+ Điểm tồn tại:

- Chất lượng đầu vào còn thấp theo tình hình chung của Nhà trường.

- Chương trình đào tạo chưa ổn định dẫn tới khó khăn trong công tác chuẩn bị đề cương, nội dung và học liệu phục vụ giảng dạy.

- Nhiều giảng viên còn phải tập trung cho việc học NCS dẫn tới khó khăn khi triển khai chương trình đào tạo.

- Các hoạt động NCKH chuyên sâu còn hạn chế, các chương trình chuyên giao khoa học công nghệ chưa nhiều.

- Hệ thống các giáo trình, các bài lab chuẩn bị chưa thực sự cập nhật xu thế phát triển.

4.5.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Cập nhật nguồn học liệu gồm tài liệu thao khảo, bài giảng, bài lab theo hướng công nghệ của các tập đoàn và công ty hàng đầu thế giới như MicroSoft, IBM, Sun – Oracle....

- Tiếp tục cử giảng viên đi học tập nâng cao trình độ tại các Viện, các trường đại học lớn trong nước và đi du học quốc tế.

- Tăng cường khảo sát nhu cầu xã hội và các ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo của các ngành đang đào tạo, qua đó điều chỉnh chương trình cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ngân hàng đề thi của các học phần cho phù hợp với nhận thức của sinh viên. Bổ sung các tài liệu tham khảo phục vụ việc học tập và nghiên cứu của sinh viên.

- Tăng cường quan hệ và gắn kết hơn nữa với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất các viện nghiên cứu, gắn đào tạo với thực tiễn.

- Tăng cường nghiên cứu theo hướng chuyên môn gắn với thực tiễn để xây dựng hình ảnh tốt quảng bá thu hút sinh viên theo học nhiều hơn.

4.6. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông

4.6.1. Mô tả thực trạng

- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật điện tử - Truyền thông được thiết kế đào tạo theo học chế tín chỉ với tổng số tín chỉ tích lũy là 164. Mục tiêu ưu tiên đào tạo theo hướng ứng dụng thực tiễn. Chương trình bắt đầu đưa vào đào tạo từ năm 2003, đến năm 2016 đã có 9 khóa sinh viên tốt nghiệp (bao gồm cả ĐHCQ, ĐHLT, Cao đẳng) và đang đào tạo khóa 15 tuyển sinh năm 2016.

- Tính đến năm 2016, đã có 10 chuyên ngành thuộc ngành đào tạo Công nghệ Kỹ thuật điện tử - Truyền thông được phê duyệt bao gồm: Công nghệ điện tử viễn thông; Hệ thống viễn thông; Điện tử ứng dụng; Vi cơ điện tử; Công nghệ truyền thông; Kinh tế viễn thông; Quản trị kinh doanh viễn thông; Tin học viễn thông; Xử lý thông tin – tín hiệu; Công nghệ, thiết bị di động. Trong đó có 3 chuyên ngành đang đào tạo bao gồm: Hệ thống viễn thông; Điện tử ứng dụng; Công nghệ, thiết bị di động. Bắt đầu từ năm 2016, Khoa thực hiện chương trình đào tạo hợp tác quốc tế 3 + 2 ngành CN KTĐTTT với Đại học Phùng Giáp (FCU- Feng Chia University) của Đài Loan.

4.6.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

- Chương trình được thiết kế theo hướng ứng dụng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đáp ứng được nhiều loại hình đào tạo, nhiều chuyên ngành đào tạo.

- Sinh viên được trang bị khối lượng kiến thức, kỹ năng thực hành rất lớn để nâng cao kiến thức thực tiễn.

+ Điểm tồn tại: Việc tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng để điều chỉnh CTĐT chưa được nhiều.

4.6.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Ngoài 3 chuyên ngành đã và đang đào tạo, tiếp tục thông tin quảng bá để tuyển sinh và đào tạo 7 chuyên ngành còn lại từ K15, đặc biệt là các chuyên ngành: Vi cơ điện tử; Kinh tế viễn thông; Quản trị kinh doanh viễn thông. Tổ chức đào tạo lớp chất lượng cao, hợp tác quốc tế theo chương trình đào tạo 3 + 2 từ khóa 15.

- Tiếp tục tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp, các công ty, tập đoàn trong lĩnh vực Điện tử - Truyền thông nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tạo cơ hội cho sinh viên đi thực tập tại các cơ sở thực tế. Hỗ trợ các thông tin và cơ hội việc làm cho sinh viên.

- Hợp tác với các đơn vị đào tạo nước ngoài, các doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch đào tạo đa loại hình, đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội, điều chỉnh chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội.

4.7. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật máy tính

4.7.1. Mô tả thực trạng

- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật máy tính được thiết kế đào tạo theo học chế tín chỉ với tổng số tín chỉ tích lũy là 165, ưu tiên đào tạo theo hướng ứng dụng thực tiễn. Chương trình bắt đầu đưa vào đào tạo từ năm 2006.

- Hiện tại Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật máy tính gồm 02 chuyên ngành Hệ thống nhúng và Bảo trì hệ thống máy tính.

4.7.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

- Chương trình được thiết kế theo hướng ứng dụng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đáp ứng được nhiều chuyên ngành đào tạo. Đồng thời chương trình cũng đáp ứng khả năng phát triển chuyên môn sâu về lĩnh vực Công nghệ và Kỹ thuật máy tính.

- Sinh viên được trang bị khối lượng kiến thức, kỹ năng thực hành rất lớn để nâng cao kiến thức thực tiễn.

+ Điểm tồn tại: Nội dung chương trình đào tạo chưa được điều chỉnh thường xuyên và bám sát ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng.

4.7.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Năm 2016, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu chuyên môn ở trình độ cao.

- Tiếp tục tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp, công ty, tập đoàn trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, liên kết đào tạo đáp ứng nguồn nhân lực theo yêu cầu và tạo điều kiện cho sinh viên đi thực tập tại các cơ sở thực tế. Hoàn thiện và đưa vào khai thác phòng thực hành nhúng phục vụ đào tạo chuyên ngành.

- Hợp tác với các đơn vị đào tạo nước ngoài, các doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch đào tạo đa loại hình, đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội, điều chỉnh chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội.

4.8. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Y sinh

4.8.1. Mô tả thực trạng

- Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Y sinh được thiết kế đào tạo theo học chế tín chỉ, với tổng số tín chỉ tích lũy là 164. Đây là một ngành mới mở theo xu hướng phát triển công nghệ của thế giới và Việt Nam. Chương trình được đưa vào đào tạo từ năm 2012.

- Hiện tại Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật y sinh gồm 02 chuyên ngành Điện tử y tế và Tin học y tế.

4.8.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

- Chương trình được thiết kế theo hướng ứng dụng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đáp ứng được nhiều chuyên ngành đào tạo. Đồng thời chương trình cũng đáp ứng khả năng phát triển chuyên môn sâu về lĩnh vực Kỹ thuật y sinh.

- Chương trình được thiết kế để đào tạo chuyên môn phù hợp với nhu cầu xã hội về lĩnh vực y học có ứng dụng các hệ thống trang thiết bị hiện đại trong các bệnh viện, cơ sở y tế lớn.

+ Điểm tồn tại: Nội dung chương trình đào tạo chưa được điều chỉnh thường xuyên và bám sát ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng.

4.8.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Tiến hành rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo, đảm bảo các nội dung môn học đưa vào giảng dạy phù hợp với mục tiêu đào tạo và yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp, cơ sở bệnh viện, Y tế trong nước.

- Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp, các công ty, tập đoàn trong lĩnh vực điện tử Y sinh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Đưa sinh viên đến các cơ sở thực tế để học tập một số chuyên đề ứng dụng. Mời các chuyên gia trong lĩnh vực của ngành tham gia giảng dạy một số học phần, giúp sinh viên có điều kiện nắm bắt được kiến thức thực tế và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

4.9. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

4.9.1. Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử được thiết kế đào tạo theo học chế tín chỉ với thời gian đào tạo trong 05 năm đối với hệ Đại học chính quy. Các chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên Đại học chính quy cũng được áp dụng theo học chế tín chỉ. Định hướng chiến lược của chương trình đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử là đào tạo kỹ sư ứng dụng và phát triển công nghệ. Bởi vậy, kiến thức trong chương trình đào tạo không chỉ ưu tiên về nền tảng hệ thống điện, điện tử công suất, kỹ năng xây dựng phần cứng, mà còn trang bị những kiến thức về vi điều khiển, chuẩn giao thức truyền thông, lập trình cho phần cứng điện, điện tử công suất, lập trình điện - điện tử trên môi trường đồ họa của máy tính, giám sát và điều khiển trong công nghiệp, nông nghiệp, dân dụng. Các định hướng chuyên ngành của ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử đó là: Công nghệ điện, điện tử, Điện, điện tử ô tô, điện tử công nghiệp, điện tử - điện lạnh, hệ thống cảm biến và ứng dụng.

Hiện nay, ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử có 5 khóa sinh viên đang theo học. Trong quá trình học tập, sinh viên được thực hành và tham gia gia nhóm để làm bài tập lớn và thực tập để tăng cường kỹ năng và giải quyết bài toán.

4.9.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ *Điểm mạnh:*

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất phòng học, phòng thực hành, phòng máy tính và thư viện sách đáp ứng việc học tập của sinh viên.

- Đội ngũ cán bộ, giảng viên có tâm huyết, kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn, chủ trì tham gia nhiều chương trình đề tài, dự án trong nước và quốc tế nội dung học, thực tập phong phú, có tính mới và thực tiễn. Đa số các giảng viên đã và đang học tập nâng cao trình độ tại trường đại học uy tín.

- Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng thực tiễn, đào tạo lý thuyết gắn liền với thực hành, thảo luận nhóm, bài tập lớn và thực hành thực tập tại phòng thí nghiệm. Đặc biệt, chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự tham khảo và trao đổi với những công ty, doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp điện, điện tử, hệ thống điện, điện tử.

- Chương trình đào tạo luôn được cập nhật điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của xã hội.

+ *Điểm tồn tại:*

- Đầu vào của sinh viên còn thấp, ý thức tự học, tự nghiên cứu không cao dẫn đến kết quả học tập của sinh viên không được tốt.

- Một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào hoạt động nhóm, làm bài tập lớn và còn khá bị động trong hoạt động thực tiễn.

4.9.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tăng cường cử giảng viên học tập và nâng cao trình độ tại cơ sở đào tạo, cũng như cơ sở doanh nghiệp hoạt động theo các hướng chuyên môn liên quan đến công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, công ty, tập đoàn hoạt động trong lĩnh điện, điện tử, hệ thống tích hợp điện, điện tử, điện tử ô tô và hệ thống cảm biến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội nắm bắt kiến thức thực tế thông qua hoạt động thực tập thực tế và làm đồ án tốt nghiệp tại doanh nghiệp.

- Tổ chức câu lạc bộ về chuyên môn, cũng như ngoại ngữ chuyên ngành để tạo cơ hội giao lưu, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm, tài liệu học tập giữa sinh viên, giáo viên, doanh nghiệp để kịp thời bổ sung những ý kiến trong việc nâng cao chất lượng và phương pháp giảng dạy.

- Đẩy mạnh định hướng nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; cũng như hình thành các nhóm chuyên môn chuyên ngành về điện, điện tử ô tô, hệ thống cảm biến, điện tử công nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống điện, điện tử và lĩnh vực khoa học công nghệ tiên tiến có liên quan.

- Tăng cường động viên và hình thành nhóm hoạt động về sinh viên nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Tổ chức chương trình văn thể mỹ kết hợp với các cuộc thi sáng tạo khoa học kích thích niềm đam mê nghiên cứu khoa học của sinh viên, cũng như tích cực động viên sinh viên tham gia cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ dành cho sinh viên.

- Tích cực bổ sung nội dung môn học có tính thực hành thực tế và thực tiễn, cũng như việc tăng cường số lượng và chất lượng bài tập lớn, kỹ năng thiết kế và chế tạo hệ thống trong quá trình học tập của sinh viên.

4.10. Chương trình đào tạo ngành công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

4.10.1. Thực trạng

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa bắt đầu đào tạo đại học chính qui từ năm 2006, cao đẳng chính qui năm 2012 và liên thông từ cao đẳng lên đại học chính qui từ năm 2015. Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ với số tín chỉ là 161. Mục tiêu chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

4.10.2. Những điểm mạnh, điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

- Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa được nhà trường quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, các phòng thực hành thí nghiệm hiện đại đáp ứng chương trình đào tạo hiện nay.

- Chương trình đào tạo luôn được cập nhật điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của xã hội.

- Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và kinh nghiệm giảng dạy lâu năm kết hợp với các giảng viên trẻ, nhiệt tình giảng dạy, tích cực tham gia vào việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo của nhà trường. Đa số các giảng viên trẻ đã và đang học tập nâng cao trình độ tại các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế.

- Sinh viên thực tập tốt nghiệp được thực tập thực tế tại các nhà máy, công ty để nâng cao kiến thức thực tiễn.

- Nhu cầu về nguồn lao động trong lĩnh vực điều khiển, tự động hóa, kỹ thuật điện cao, ..do vậy hầu hết các sinh viên ra trường có việc làm và thu nhập cao.

+ Điểm tồn tại:

- Kỹ năng mềm, làm việc nhóm, tự nghiên cứu không cao dẫn đến kết quả học tập của sinh viên không được cao.

4.10.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Tiếp tục cử giảng viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ trong nước và quốc tế.

- Bổ sung các tài liệu tham khảo phục vụ việc học tập và nghiên cứu của sinh viên. Điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ngân hàng đề thi của các học phần cho phù hợp với chương trình đào tạo.

- Đẩy mạnh định hướng nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; cũng như hình thành các nhóm chuyên môn chuyên ngành về Tự động hóa, Kỹ thuật điện trong công nghiệp và các lĩnh vực khoa học công nghệ tiên tiến có liên quan.

- Tăng cường kỹ năng mềm; kỹ năng hoạt động nhóm cho sinh viên về nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Tích cực bổ sung nội dung cho các môn học có thực hành gắn với thực tiễn, tăng cường số lượng và chất lượng bài tập lớn, kỹ năng thiết kế và chế tạo hệ thống trong quá trình học tập của sinh viên.

- Tăng cường quan hệ với các doanh nghiệp, nhà máy và công ty bằng việc cử sinh viên đi thực tập thực tế và cử các giảng viên đến các cơ sở để học hỏi tiếp thu những công nghệ mới.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi sinh viên thực tập ngắn hạn với các trường có uy tín trên thế giới và trong khu vực Đông Nam Á.

4.11. Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL)

4.11.1. Mô tả thực trạng

- Chương trình được đào tạo từ năm 2008 theo học chế tín chỉ, với tổng số 136 tín chỉ. Chương trình đang được áp dụng để đào tạo sinh viên các hệ: Đại học chính quy, Đại học liên thông từ cao đẳng, Cao đẳng chính quy, Đại học VLVH. Ban đầu ngành HTTT QL có 4 chuyên ngành: Tin học kinh tế, Tin học kế toán, Tin học ngân hàng, Thương mại điện tử. Hiện nay, chương trình của ngành HTTT QL đảm bảo và bám sát khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với các khối lượng kiến thức Đại cương, Cơ sở ngành, Ngành và Khối kiến thức chuyên ngành, Khối kiến thức thực tập. Đặc biệt, trong khối kiến thức chuyên ngành sẽ được thiết kế gồm nhóm học phần Cốt lõi với những học phần quan trọng của ngành, các nhóm học phần này chỉ rõ được mục tiêu đạt được, kỹ năng làm được việc gì sau khi học xong, cụ thể: Nhóm Quản trị chuỗi giá trị và cung ứng điện tử; Xử lý và phân tích dữ liệu thống kê dự báo kinh tế; Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin kinh tế, phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý. Từ chương trình cốt lõi sinh viên sẽ phải đạt điểm C trở lên của những môn học trong nhóm cốt lõi mới có thể tốt nghiệp, qua đó sinh viên sau khi ra trường, với từng nhóm kiến thức sẽ giúp cho sinh viên phát huy tốt vai trò của mình

tại các doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu thực tế công việc tại các doanh nghiệp.

- Hiện nay, ngành Hệ thống thông tin quản lý đang triển khai với 4 khóa học. Đã có 5 khóa học tốt nghiệp ra trường và làm việc ở nhiều nơi công tác và nhiều vị trí làm việc khác nhau trên cả nước và chủ yếu tập trung tại Hà Nội và Thái Nguyên.

4.11.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh

- Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành HTTTQL phù hợp với thực tế, sinh viên ra trường được làm việc đúng ngành hoặc ngành gần. Chương trình được thiết kế theo hướng ứng dụng, đáp ứng được nhiều loại hình đào tạo.

- Các học phần trong CTĐT có tỉ lệ thực hành cao và gắn với thực tiễn làm việc bên ngoài xã hội.

- Nội dung các đề tài thực tập, khóa luận luôn gắn với đơn vị, doanh nghiệp cụ thể giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn.

- CTĐT gắn kết thực tiễn từ phía doanh nghiệp với sự tham gia của các nhà quản lý, cán bộ có chức doanh khoa học, có uy tín chuyên môn tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực tập, khóa luận sinh viên và giới thiệu việc làm cho sinh viên.

- Sinh viên học ngành HTTTQL được thường xuyên tham gia các buổi Hội thảo về định hướng nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học giữa sinh viên với các nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nhân.

+ Điểm tồn tại:

- Một số cán bộ, giảng viên trẻ của Khoa đang học tập, nâng cao trình độ, nên không tập trung toàn bộ thời gian làm việc tại Trường và Khoa.

- Khó khăn trong việc tiếp cận, mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp. Sinh viên thực tập, thực tế tại các đơn vị trên địa bàn Hà Nội gặp nhiều khó khăn.

4.11.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

+ Năm học 2015-2016:

- Tiến hành rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo, đảm bảo các nội dung môn học đưa vào giảng dạy phù hợp với mục tiêu đào tạo và yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Chuẩn hóa ngân hàng đề cho các môn học mới, xây dựng các ngân hàng thi trắc nghiệm. Tiến hành xây dựng đề án phòng thực hành cho sinh viên thực tập tại chỗ.

+ Các năm tiếp theo:

- Tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến quan hệ với doanh nghiệp, tạo điều kiện để mỗi sinh viên trước khi ra trường đều được thực hành, thực tập tại các đơn vị kinh doanh, các công ty, tập đoàn,... đang hoạt động thuộc lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý.

4.12. Chương trình đào tạo ngành Quản trị văn phòng

4.12.1. Mô tả thực trạng

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị văn phòng được thiết kế theo học chế tín chỉ, với tổng số 136 tín chỉ (TC). Trong đó: Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 42 TC; Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành 18 TC; Khối kiến thức cơ sở ngành 15 TC; Khối kiến thức chuyên ngành 43 TC (6 TC tự chọn và 38 TC bắt buộc) và 18 TC thực tập khóa luận.

- Ngoài kiến thức giáo dục đại cương, sinh viên theo học chương trình đào tạo ngành Quản trị văn phòng sẽ được trang bị đầy đủ kiến thức về các khái nghiệp vụ văn thư - lưu trữ, quản trị hành chính - văn phòng. Đặc biệt, sinh viên còn có được kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa công tác văn thư - lưu trữ, quản trị hành chính - văn phòng, hướng tới mục tiêu xây dựng mô hình văn phòng điện tử, hành chính điện tử hay chính phủ điện tử đôi trong hệ thống các cơ quan quản lý của nhà nước.

- Chương trình đang được sử dụng để đào tạo sinh viên các hệ: Đại học chính quy; Đại học liên thông từ cao đẳng; Đại học vừa làm vừa học ngành Quản trị văn phòng. Chương trình được bắt đầu đưa vào đào tạo từ năm 2012, đến nay có 4 khóa đang đào tạo.

4.12.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị văn phòng được thiết kế, xây dựng trên cơ sở tin học hóa công tác văn thư - lưu trữ, quản trị hành chính - văn phòng. Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cơ bản, đồng thời vận dụng về công nghệ thông tin giải quyết các bài toán nâng cao hiệu quả công tác văn thư - lưu trữ, hành chính - văn phòng.

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị văn phòng phù hợp với nhu cầu thực tế bởi việc hiện đại hóa công tác hành chính - văn phòng, văn thư - lưu trữ, xây dựng mô hình chính phủ điện tử đang là xu hướng mà các quốc gia trên thế giới quan tâm và là nhiệm vụ Đảng và Nhà nước ta đang đặt ra. Đội ngũ sinh viên được đào tạo theo chương trình ngành Quản trị văn phòng sẽ góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho việc thực hiện mục tiêu trên.

- Sinh viên theo học ngành Quản trị văn phòng được đào tạo theo các tiêu chuẩn Quốc tế về tin học như chuẩn tin học văn phòng MOS, chuẩn Quốc tế về công nghệ thông tin cơ bản IC3, chuẩn ISO về xây dựng hệ thống quản lý chất lượng....

- Sinh viên tốt nghiệp ngành quản trị văn phòng có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau như: Nhân viên văn thư - lưu trữ, cán bộ chuyên viên hành chính - văn phòng, chuyên viên hành chính - nhân sự, thư ký văn phòng, cán bộ nghiên cứu,

giảng dạy về lĩnh vực hành chính, văn phòng hay văn thư - lưu trữ.

+ *Điểm tồn tại*

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy trình độ cao như PGS, TS còn ít, cán bộ giảng viên trẻ nhiều.

- Nguồn học liệu mở phục vụ cho việc đào tạo còn hạn chế, do là một ngành mới được Bộ GD&ĐT cấp phép mở mã ngành, số lượng giáo trình xuất bản ít.

- Cơ sở vật chất còn hạn chế như việc chuyển giao phần mềm thực hành bản quyền về văn phòng điện tử, xây dựng mô hình văn phòng điện tử thực tế....

4.12.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

+ *Năm học 2015-2016:*

- Xây dựng bồi dưỡng cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao phù hợp với công tác đào tạo ngành quản trị văn phòng.

- Tiến hành rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo, đảm bảo các nội dung môn học đưa vào giảng dạy phù hợp với mục tiêu đào tạo và yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Bổ sung nguồn học liệu mở đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của giảng viên và sinh viên.

- Chuyển giao các phần mềm và tài liệu hướng dẫn xây dựng văn phòng điện tử phục vụ giảng dạy.

- Đầu tư xây dựng Mô hình văn phòng, xây dựng các modul thực hành giúp sinh viên thực tập thực tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

+ *Các năm tiếp theo:*

- Tiếp tục cử các giảng viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ trong và ngoài nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến quan hệ với doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước... tạo điều kiện để mỗi sinh viên trước khi ra trường đều được thực hành, thực tập tại cơ sở thực tế.

- Mời các chuyên gia, nhà quản lý về lĩnh vực chuyên môn tham gia giảng dạy một số chuyên đề có tính thực tế cho sinh viên.

4.13. Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử

4.13.1 Thực trạng

- Cấu trúc chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử bao gồm các nhóm kiến thức cốt lõi nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội: Marketing điện tử, Quản lý mua – bán hàng hóa điện tử, Thanh toán điện tử, An toàn bảo mật thương mại điện tử, Quản trị doanh nghiệp điện tử, Xây dựng và triển khai hệ thống thương mại điện tử. Sau khi sinh viên ra trường, với từng nhóm kiến thức, sinh viên có khả năng đảm nhận các vị trí công việc đáp ứng nhu cầu thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp.

- Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên việc tham khảo các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế theo học chế tín chỉ với tổng số tín chỉ tích lũy là 136. Ngành Thương mại điện tử là ngành được Bộ GD&ĐT cho phép nhà trường được đào tạo thí điểm từ năm 2014. Đến nay, đã có 2 khóa đang được đào tạo.

4.13.2. Những điểm mạnh, điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

- Đây là một ngành mới, hiện tại cả nước mới có một số trường được đào tạo thí điểm nên nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội là lớn, cơ hội việc làm dự kiến của sinh viên tốt nghiệp là cao.

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất phòng học; phòng máy tính thư viện sách đáp ứng việc học tập của sinh viên.

- Nhà trường được sự giúp đỡ của Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin – Bộ Công thương, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam trong việc xây dựng chương trình đào tạo và tham gia đào tạo cán bộ giảng viên cũng như sinh viên.

- Đội ngũ giảng viên bao gồm các giảng viên có trình độ cao và kinh nghiệm giảng dạy lâu năm kết hợp với các giảng viên trẻ, nhiệt tình giảng dạy, tích cực tham gia vào việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo của nhà trường. Đa số các giảng viên trẻ đã và đang học tập nâng cao trình độ tại các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế.

- Chương trình đào tạo luôn được cập nhật điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của xã hội.

- Nhà trường luôn coi giải pháp kết hợp mật thiết với các Công ty để tạo môi trường học tập toàn diện cho sinh viên như một trong các giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo ngành Thương mại điện tử.

- Trường đã có mối liên hệ mật thiết với các nhà tuyển dụng nhân lực. Ngoài sự hỗ trợ cho sinh viên, các doanh nghiệp còn cung cấp các ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo. Từ đó, Trường đã có những sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Thường xuyên tiến hành ký kết hợp tác và gắn kết với các doanh nghiệp nền thông tin phản hồi từ phía các doanh nghiệp là hết sức quý báu.

- Do đặc thù ngành học và điều kiện hạ tầng CNTT, Trường ĐHCNTT&TT có thuận lợi trong việc sử dụng phương tiện Internet vào việc thu nhận ý kiến xã hội. Nhà trường cũng khai thác một số tình huống khác (tuyển sinh đại học, tiếp nhận sinh viên mới, hội thảo chung) để thu nhận thông tin phản hồi từ xã hội.

- Thường xuyên tổ chức các hội nghị định kỳ để lấy ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các nhà khoa học và cựu sinh viên về việc điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ Thương mại điện tử do Cục thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam, Trung tâm phát triển thương mại điện tử tổ chức và cấp chứng chỉ.

+ Điểm tồn tại:

- Chất lượng đào tạo chưa được tốt, do chất lượng tuyển sinh đầu vào chưa cao, sinh viên có điểm thi đầu vào còn thấp. Điều này, gây ra khó khăn cho quá trình đào tạo.

- Hệ thống phần mềm phục vụ cho thực hành, thí nghiệm còn hạn chế.

4.13.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

+ Năm học 2015-2016:

- Cử cán bộ giảng viên đi học tập nghiên cứu để nâng cao trình độ, kịp thời đáp ứng việc đào tạo vào cơ sở ngành và chuyên ngành của sinh viên trong thời gian tới.

- Đầu tư trang thiết bị và tài liệu học tập nhằm đáp ứng việc học tập nghiên cứu của sinh viên khi học vào cơ sở và chuyên ngành.

- Đưa sinh viên thực tập tại các công ty và doanh nghiệp để sinh viên có điều kiện tiếp cận các vấn đề thực tiễn trước khi ra trường.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo có sự tham gia của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên để đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

+ Các năm tiếp theo:

- Lên kế hoạch thực thi giải pháp liên kết Nhà trường – Doanh nghiệp. Mở rộng phạm vi và tính chất hoạt động liên kết Trường – Doanh nghiệp theo đào tạo, nghiên cứu khoa học, tăng cường nhân lực và kinh doanh.

- Tăng cường quan hệ và gắn kết hơn nữa với các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn

4.14. Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện

4.14.1. Thực trạng

- Tổng khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo Ngành Truyền thông đa phương tiện là 158 tín chỉ, bao gồm các khối kiến thức nền tảng về kỹ thuật, công nghệ thông tin; khối kiến thức về thiết kế, xử lý đồ họa 2D, 3D và khối khối kiến thức lập trình điều khiển, mô phỏng thực tại ảo. Bắt đầu thực hiện tuyển sinh từ năm 2012, hiện đang đào tạo đến năm thứ 5, năm học 2016 – 2017 sẽ có khóa sinh viên đầu tiên tốt nghiệp ra trường.

- Hình thức tuyển sinh theo quy chế của Bộ Giáo dục &Đào tạo trong năm 2012, 2013, 2014 tuyển sinh theo các khối thi: A, A1, D1; riêng năm 2015 bắt đầu tuyển sinh theo quy chế mới, xét điểm thi tốt nghiệp và học bạ THPT các nhóm môn: Toán – Văn – Ngoại ngữ; Toán – Văn – Lý; Toán – Văn – Hóa; Toán – Ngoại ngữ - Lý.

4.14.2. Những điểm mạnh, điểm tồn tại

+ Điểm mạnh

- Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra của ngành và tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới, đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo. Ngoài ra chương trình được xây dựng một cách linh hoạt, đáp ứng nhiều loại hình đào tạo. Phương pháp giảng dạy, đào tạo đề cao thực hành, giảm bớt tính hàn lâm giúp sinh viên có thể ứng dụng kiến thức ngay trong quá trình học cũng như tăng khả năng làm việc thực tế sau khi ra trường

- Việc xác định chuẩn đầu ra được thực hiện một cách khoa học trên cơ sở khảo sát nhu cầu nhân lực thực tiễn dựa trên ý kiến của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các chuyên gia, các văn bản pháp quy về định hướng, chính sách phát triển nguồn nhân lực.

- Các khôi kiến thức trong chương trình đào tạo được phân bổ thành các giai đoạn rõ ràng từ cơ sở, nền tảng đến chuyên sâu. Sinh viên học hết năm thứ ba hoàn thiện kiến thức về thiết kế, sáng tạo trên máy tính. Hai năm còn lại trang bị các kiến thức chuyên sâu về xây dựng các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

+ Điểm tồn tại

- Vì là ngành mới nên người học chưa biết nhiều thông tin, hơn nữa do chưa có sinh viên ra trường nên chưa thể đánh giá được kết quả đầu ra một cách khách quan nhất. Chính vì vậy, việc điều chỉnh nội dung các môn học cho phù hợp với nhu cầu thực tế còn gặp nhiều khó khăn.

- Do đặc thù là Trường đào tạo chuyên về Công nghệ thông tin nên điểm mạnh là đào tạo các học phần về công nghệ, đồng thời cũng là điểm hạn chế trong đào tạo khối kiến thức kỹ thuật.

- Chương trình đào tạo chưa linh động trong việc đào tạo theo đơn đặt hàng.

- Đội ngũ cán bộ giảng viên chưa có nhiều kinh nghiệm do đa phần là các cán bộ trẻ.

4.14.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo theo hướng đào tạo gắn với yêu cầu thực tế xã hội; đào tạo theo đơn đặt hàng.

- Tăng cường hơn nữa việc gắn kết, tạo mối liên hệ với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm đưa cán bộ giảng viên, sinh viên đi thực tập thực tế đồng thời hướng tới giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.

- Tiếp tục bồi dưỡng cán bộ giảng viên nâng cao trình độ, kỹ năng giảng dạy.

4.15. Chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa

4.15.1. Thực trạng

Tổng khối lượng kiến thức của chương trình bao gồm 129 tín chỉ. Ngành Thiết kế đồ họa bắt đầu thực hiện tuyển sinh từ năm 2014 theo quy chế tuyển sinh các khối thi: A, A1, D1, V, H.

Từ năm 2015 bắt đầu tuyển sinh theo quy chế mới, xét điểm thi tốt nghiệp và học bạ THPT các nhóm môn: Toán – Văn – Ngoại ngữ; Toán – Văn – Địa; Toán – Ngoại ngữ - Địa; Văn – Ngoại ngữ - Địa, hiện tại đang đào tạo 3 khóa sinh viên.

4.15.2. Những điểm mạnh, điểm tồn tại

+ Điểm mạnh

- Chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa được thiết kế dựa trên nền tảng ứng dụng CNTT trong thiết kế đồ họa, phù hợp với xu thế và nhu cầu của xã hội.

- Do nhà trường đã đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện nên sinh viên Thiết kế đồ họa được hỗ trợ, kế thừa và có nhiều điều kiện phát triển các ứng dụng đồ họa trong truyền thông.

- Với đặc thù ngành nghề không cứng nhắc, gò bó nên người học dễ dàng tiếp cận, nhiều đối tượng sinh viên khác nhau vẫn có thể theo học được ngành Thiết kế đồ họa của nhà trường.

+ Điểm tồn tại:

- Vì là ngành mới nên người học chưa biết nhiều thông tin, hơn nữa do chưa có sinh viên ra trường nên chưa thể đánh giá được kết quả đầu ra một cách khách quan nhất. Chính vì vậy, nội dung các môn học gặp nhiều khó khăn trong việc điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Chương trình đào tạo chưa linh động trong việc đào tạo theo đơn đặt hàng.

- Đội ngũ cán bộ giảng viên chưa có nhiều kinh nghiệm do đa phần là các cán bộ trẻ.

4.15.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo theo hướng đào tạo gắn với yêu cầu thực tế xã hội; đào tạo theo đơn đặt hàng.

- Hiện nay nhà trường đã và đang cử cán bộ đi học tập nâng cao trình độ, kịp thời đáp ứng yêu cầu về đào tạo trong thời gian tới. Đồng thời nhà trường có kế hoạch phối hợp với trường đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội để mời các giảng viên có trình độ cao tham gia giảng dạy ngành Thiết kế đồ họa cùng nhà trường.

4.16. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ truyền thông

4.16.1. Thực trạng

- Tổng khối lượng kiến thức của chương trình bao gồm 131 tín chỉ. Ngành Công nghệ truyền thông bắt đầu thực hiện tuyển sinh từ năm 2014 theo quy chế tuyển sinh xét điểm học bạ THPT các môn Toán, Lý.

- Từ năm 2015 bắt đầu tuyển sinh theo quy chế mới, xét điểm thi tốt nghiệp và học bạ THPT các nhóm môn: Toán – Văn – Ngoại ngữ; Toán – Văn – Địa; Toán – Ngoại ngữ - Địa; Văn – Ngoại ngữ - Địa, hiện tại đang đào tạo 3 khóa sinh viên.

4.16.2. Những điểm mạnh, điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

- Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo ở những nước tiên tiến trên thế giới nên có nhiều điểm mới trong cách tiếp cận cũng như cung cấp kiến thức cho các em sinh viên.

- Tuy là một ngành mới mẻ nhưng với thực tế đào tạo hiện nay (có ít trường trong nước đào tạo ngành Công nghệ truyền thông) nên nguồn tuyển sinh lớn.

- Do ngành đào tạo theo kịp và đáp ứng được nhu cầu thực tế của xã hội nên sinh viên tốt nghiệp có cơ hội nghề nghiệp cao.

- Do nhà trường đã đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện nên sinh viên Công nghệ truyền thông được kế thừa và có nhiều điều kiện phát triển các ứng dụng tin học trong sản xuất các sản phẩm truyền thông.

+ Điểm tồn tại:

- Vì là ngành mới nên người học chưa biết nhiều thông tin, hơn nữa do chưa có sinh viên ra trường nên chưa thể đánh giá được kết quả đầu ra một cách khách quan nhất. Chính vì vậy, nội dung các môn học gặp nhiều khó khăn trong việc điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Chương trình đào tạo chưa linh động trong việc đào tạo theo đơn đặt hàng.

- Đội ngũ cán bộ giảng viên chưa có nhiều kinh nghiệm do đa phần là các cán bộ trẻ.

4.16.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo theo hướng đào tạo gắn với yêu cầu thực tế xã hội; đào tạo theo đơn đặt hàng.

- Tiếp tục cử cán bộ giảng viên đi học tập nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nguồn cán bộ có trình độ cao trong thời gian tới.

4.17. Ngành An toàn thông tin

4.17.1. Thực trạng

- Tổng khối lượng kiến thức của chương trình bao gồm 158 tín chỉ. Ngành An toàn thông tin bắt đầu thực hiện tuyển sinh từ năm 2014 theo quy chế tuyển sinh xét điểm học bạ THPT.

- Từ năm 2015 bắt đầu tuyển sinh theo quy chế mới, xét điểm thi tốt nghiệp và học bạ THPT các nhóm môn: Toán – Văn – Tiếng Anh; Toán – Lý – Tiếng Anh; Toán – Lý – Hóa; Toán – Văn – Hóa, hiện tại số sinh viên là 64 sinh viên.

4.17.2. Những điểm mạnh, điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

- Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết việc đảm bảo an toàn thông tin đang trở thành một trong những nghề hấp dẫn hiện nay và cả tương lai. Theo “Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020”, nước ta phải đào tạo được 1.000 lao động cấp độ chuyên gia theo tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng. Đây chính là căn cứ để ngành An toàn thông tin phát triển.

- Đây là một ngành mới, hiện tại cả nước mới có một số ít trường đại học công lập được đào tạo thí điểm nên sinh viên của ngành đào tạo ra trường sẽ là những kỹ sư an toàn thông tin đầu tiên vì thế cơ hội việc làm rất cao.

- Ngành An toàn thông tin được xây dựng trên nền tảng đội ngũ trẻ nhiệt huyết thêm vào đó là sự quan tâm từ phía nhà trường tạo cơ sở vật chất tốt và thường xuyên được đầu tư đảm bảo điều kiện học tập và nghiên cứu của sinh viên.

- Chương trình đào tạo với chuẩn kỹ năng được xây dựng dựa trên các chương trình đào tạo chứng chỉ bảo mật uy tín trên thế giới; hệ thống hỗ trợ đào tạo trực quan theo tiêu chuẩn quốc tế;

- Chương trình đào tạo kỹ sư ngành An toàn Thông tin được xây dựng với định hướng cho sinh viên sau khi tốt nghiệp đảm bảo 5 kỹ năng để có thể giải quyết tất cả vấn đề an toàn thông tin, tiếp cận với công nghệ hiện đại, có kiến thức nền tảng cho phép họ có cơ hội tiếp tục học tập và công tác lâu dài (hiện nay ngành ATTT của Trường có hơn 3000 tài liệu tham khảo điện tử chuyên ngành; với hơn 100 công cụ phân tích và đánh giá bảo mật tiên tiến; hệ thống trực tuyến phục vụ đào tạo các kỹ năng tấn công phòng thủ mạng và mã độc đã hoàn thiện).

- Nhà Trường là thành viên tích cực của Hiệp hội an toàn thông tin Việt Nam (VNISA) nên tận dụng được mạng lưới doanh nghiệp của hiệp hội trong hỗ trợ hoạt động đào tạo của nhà Trường.

- Chủ động tăng cường hợp tác với một số đơn vị như VNISA, VSEC, Security Daily, CSU, Học viện kỹ thuật mật mã, Trường Đại học Công nghệ,... Đây là lợi thế rất lớn để nâng cao kiến thức chuyên môn cho giảng viên.

- Tập trung bồi dưỡng cho sinh viên tham gia cuộc thi “sinh viên với ATTT” do Hiệp hội an toàn thông tin tổ chức hàng năm (năm 2014 đã nhận được giấy khen của ban tổ chức cuộc thi dành cho đội thi có thành tích tốt). Đây là cơ hội rất lớn đưa các bạn sinh viên tiếp cận với đầy đủ các kỹ năng của một kỹ sư an toàn thông tin, với kiến thức tốt thì cơ hội việc làm sẽ rất lớn.

+ *Điểm tồn tại:*

- Chương trình chưa có sinh viên tốt nghiệp nên chưa đánh giá toàn diện chất lượng của chương trình

- Là một ngành mới của cả nước nên đội ngũ giảng viên có trình độ cao còn thiếu.

4.17.3. Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Hiện tại nhà trường đã và đang có kế hoạch cử cán bộ giảng viên đi học tập nghiên cứu để nâng cao trình độ, kịp thời đáp ứng việc đào tạo vào cơ sở ngành và chuyên ngành của sinh viên trong thời gian tới.

- Nhà trường đầu tư nhiều trang thiết bị và tài liệu học tập nhằm đáp ứng việc học tập nghiên cứu của sinh viên khi học vào cơ sở và chuyên ngành.

- Ngành chủ động hợp tác với các trường đại học trong nước và quốc tế đào tạo về chuyên ngành an toàn thông tin để đảm bảo lĩnh hội kiến thức mới cũng như trao đổi về tài nguyên tri thức để theo kịp với thời đại.

Phần 5: BÁO CÁO TỔNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẬC SAU ĐẠI HỌC

5.1. Chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Khoa học máy tính

5.1.1. Mô tả thực trạng

- Tuyển sinh thạc sĩ: Số lượng tuyển sinh năm 2016 là 45 học viên.

- Tuyển sinh NCS: Số lượng tuyển sinh năm 2016 là 01 học viên.

- Công tác tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học: Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch giảng dạy, tổ chức quản lý đào tạo theo đúng quy chế của Bộ và của Đại học, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo.

- Thực hiện đúng công tác đảm bảo điều kiện chất lượng đào tạo.

- Công tác tạo nguồn, phát triển đào tạo sau đại học: Nhà trường đã tích cực thực hiện công tác tạo nguồn sau đại học năm 2016.

+ Có 37 thí sinh dự thi thạc sĩ đợt 1 năm 2016 và 25 thí sinh dự thi đợt 2 năm 2016.

+ Có 01 thí sinh dự thi NCS năm 2016.

- Công tác bồi dưỡng tiếng Anh cho học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh: Nhà trường thực hiện giảng dạy tiếng Anh cho các học viên với 5 tín chỉ và ngoại ngữ học thuật là 3 tín chỉ. Học viên có khả năng đọc, hiểu được các tạp chí và tài liệu chuyên ngành.

- Công tác biên soạn giáo trình:

+ Đã nghiệm thu được 3 giáo trình trong năm học 2015-2016.

+ Hợp đồng biên soạn tiếp với các tác giả và dự kiến nghiệm thu 10 giáo trình trong năm học 2016-2017.

5.1.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

+ Điểm mạnh:

Đại học Thái Nguyên là đại học vùng nên đã tận dụng được đội ngũ giảng dạy, cơ sở vật chất và chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học. Nhà trường ký kết nhiều hợp đồng với các viện, trường có uy tín trong đào tạo sau đại học nên đã tận dụng được nguồn lực cán bộ có chất lượng và có uy tín khoa học cao.

+ Điểm tồn tại:

- Cán bộ nhà trường còn trẻ nên công tác giảng dạy và hướng dẫn luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ phần lớn là các nhà khoa học đến từ các Viện, Trường đang hợp tác với nhà trường đảm nhiệm... Đây vừa là thuận lợi nhưng cũng là khó khăn của nhà trường. Nhà trường tận dụng được nguồn lực cán bộ có chất lượng và có uy tín khoa học cao, nhưng ở nhiều đơn vị nên công tác quản lý gặp nhiều khó khăn.

- Công tác tuyển sinh sau đại học giảm do nhiều trường đã mở ngành đào tạo thạc sĩ và do nhu cầu xã hội cũng giảm dần.

5.1.3 Kế hoạch cải thiện chất lượng

- Tăng cường công tác xây dựng ngân hàng đề cho các môn học, biên soạn giáo trình cho các môn học.

- Bổ sung, hoàn thiện các hướng dẫn và các quy trình quản lý đào tạo sau đại học.

- Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học, đầu tư cơ sở vật chất tốt hơn nữa phục vụ công tác đào tạo.

- Tăng cường sự tham gia của đội ngũ cán bộ tiến sĩ trẻ để dần nâng cao vị thế khoa học và kinh nghiệm giảng dạy và hướng dẫn khoa học.

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy chế đào tạo tiến sĩ, nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc phối kết hợp chặt chẽ với khoa chuyên môn, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về học tập, nghiên cứu, viết luận án.

Nơi nhận: nhóm

- Ban KT&DBCLGD (để b/c);
- BGH (để biết);
- Lưu: VT, KT&DBCLGD.

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2016

HỘI TRƯỞNG



TS. Nguyễn Văn Tảo